

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 10/TCHQ-PC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 1993

THÔNG TƯ CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 18/CP ngày 16/4/1993

của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20/02/1990;

Thực hiện Điều 104 Nghị định 18/CP ngày 16/4/1993 của Chính phủ;

Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc thi hành các Điều 63, 76, 84, 91, 92, 93 của Nghị định 18/CP nói trên như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Người nước ngoài đầu tư vào Việt Nam nói trong Thông tư này gồm:

- Các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài đầu tư trực tiếp vào Việt Nam nhằm thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, thành lập và tham gia thực hiện các dự án đầu tư tại các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả thành viên trong gia đình và người nước ngoài giúp việc cho các dự án đó).
- Các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để tìm hiểu và chuẩn bị đầu tư theo Luật đầu tư.

2. Hàng hoá nói trong Thông tư này gồm:

- Thiết bị, máy móc, phụ tùng, các phương tiện sản xuất kinh doanh (gồm cả phương tiện và vận tải), các vật tư nhập khẩu vào Việt Nam để xây dựng cơ bản hình thành xí nghiệp, bằng sáng chế, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật do bên nước ngoài dùng để góp vốn pháp định của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc để tạo tài sản cố định, dùng làm vốn ban đầu thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- b. Nguyên, nhiên liệu, bộ phận rời, phụ tùng và các vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, các sản phẩm (bao gồm các thành phẩm và bán thành phẩm) xuất khẩu;
- c. Đồ dùng cá nhân của người nước ngoài đầu tư nhập khẩu vào Việt Nam hoặc mua tại Việt Nam xuất ra nước ngoài gồm hành lý, ngoại hối mang vào và chuyển ra.
3. Tất cả hàng hoá của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, của các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh và của cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam khi xuất khẩu, nhập khẩu, kể cả hàng hoá chưa hoàn hành thủ tục hải quan còn lưu tại các kho bãi của cơ quan vận chuyển của chủ hàng hoá xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa xuất đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan của hải quan Việt Nam theo quy định của Pháp lệnh Hải quan và quy định của Thông tư này.

II. THỦ TỤC HẢI QUAN

A. Đối với hàng hoá của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh:

1. Hàng xuất- nhập khẩu.

a. Các ưu đãi về thuế: Ngoài các trường hợp được miễn giảm thuế theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, các trường hợp quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư nước ngoài, hàng hoá của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh còn hưởng ưu đãi về thuế trong những trường hợp quy định tại Điều 76 Nghị định 18-CP ngày 16/4/1993 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nêu tại Điểm 2a phần I Thông tư này.

Phải nộp thuế nhập khẩu đối với hàng nêu tại điểm 2b phần I Thông tư này theo đúng quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Số tiền thuế tạm nộp này sẽ được cơ quan hải quan hoàn lại tương ứng với số nguyên liệu để làm hàng thực xuất khẩu căn cứ quyết định hoàn thuế của Bộ Tài chính và thủ tục quy định tại Thông tư 08/CT-TCT ngày 31/3/1992 của Bộ Tài chính.

b. Thủ tục hải quan: được tiến hành như đối với hàng kinh doanh xuất nhập khẩu thông thường theo quy định tại Điều 8 chương II Nghị định số 171/HĐBT ngày 27/5/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định cụ thể thủ tục hải quan và lệ phí hải quan và